UBND TỈNH QUẢNG NINH **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2361 /QĐ-SYT	*Quảng Ninh, ngày 20 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán kinh phí tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực cơ sở y tế tỉnh Quảng Ninh năm 2025 (Đợt 1)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 về việc phê duyệt Đề án tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị để nâng cao năng lực cơ sở y tế toàn tỉnh năm 2023 (giai đoạn 2); Quyết định số 4247/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 về việc điều chỉnh Đề án tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị để nâng cao năng lực cơ sở y tế toàn tỉnh năm 2023 (giai đoạn 2); Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 về việc phê duyệt Đề án tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị nâng cao năng lực cơ sở y tế tỉnh Quảng Ninh năm 2024 (giai đoạn 1); Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 về việc điều chỉnh thời gian thực hiện Đề án tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực cơ sở y tế tỉnh Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán kinh phí tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực cơ sở y tế tỉnh Quảng Ninh năm 2025 (Đợt 1) cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế như sau:

Tổng số: 63.744 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm Y tế: 19.806 triệu đồng.

- Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất Phòng khám đa khoa khu vực, Trạm Y tế: 43.938 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước được giao, các đơn vị thực hiện nhập Tabmis và triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Điều 1 theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Lập 04 phiếu phân bổ dự toán kèm theo thuyết minh dự toán gửi về Sở Y tế làm căn cứ nhập dự toán.

Các đơn vị căn cứ vào Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 khẩn trương triển khai các bước tiếp theo trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo tiến độ thực hiện của từng hạng mục công trình.

Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức mua sắm và quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục tiêu, hiệu quả, tiết kiệm, đảm bảo tiến độ giải ngân theo quy định.

Điều 3. Các Ông (bà): Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính; Chánh văn phòng Sở; Trưởng các phòng ban chức năng của Sở Y tế và Thủ trưởng đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Cổng TTĐT SYT (C/khai);
- Sở Tài chính;
- KBNN giao dịch;
- Lưu: VT, KHTC3.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH QUẢNG NINH

Nguyễn Trọng Diện

Phụ biểu

DỰ TOÁN PHÂN BỔ CHI TIẾT KINH PHÍ SỬA CHỮA CƠ SỞ VẬT CHẤT THUỘC ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ NÂNG CAO NĂNG LỰC CƠ SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2025 (ĐỢT 1)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số	**63.744**	
1	**Trung tâm Y tế thành phố Hạ Long**	**28.395**	
-	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất Trạm Y tế phường Đại Yên; Trạm Y tế phường Hà Tu; Trạm Y tế phường Tuần Châu; Trạm Y tế phường Trần Hưng Đạo	24.878	
-	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất Phòng khám đa khoa khu vực Hà Tu; Trạm Y tế phường Hà Phong; Trạm Y tế xã Tân Dân	3.517	
2	**Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí**	**8.486**	
-	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất Trạm Y tế phường Yên Thanh; Trạm Y tế phường Thanh Sơn; Trạm Y tế phường Quang Trung; Trạm Y tế phường Phương Nam	8.486	
3	**Trung tâm Y tế thị xã Quảng Yên**	**7.057**	
-	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất Trạm Y tế xã Liên Hoà, Trạm Y tế xã Liên Vị, Trạm Y tế xã Tiền Phong, phường Nam Hoà; Trạm Y tế phường Phong Hải; Trạm Y tế phường Yên Giang; Trạm Y tế phường Yên Hải	7.057	
4	**Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn**	**15.082**	
-	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn	15.082	
5	**Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên**	**4.724**	
-	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	4.724	

Đơn vị: Sở Y tế Quảng Ninh
Chương: 423

PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2361/QĐ-SYT ngày 20/12/2024 của Sở Y tế Quảng Ninh)

Dùng cho các Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh (Phòng, cơ quan thuộc cấp huyện) báo cáo Sở Tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trung tâm y tế thành phố Uông Bí	Trung tâm y tế thành phố Hạ Long	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	Trung tâm y tế huyện Vân Đồn	Trung tâm y tế huyện Tiên Yên
1	2	3	4	5	6	7	8
I	**Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí**						
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**63.744**	**8.486**	**28.395**	**7.057**	**15.082**	**4.724**
1	**Kinh phí thực hiện Đề án tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực y tế tỉnh Quảng Ninh**	**63.744**	**8.486**	**28.395**	**7.057**	**15.082**	**4.724**
-	Kinh phísửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm Y tế, Trạm Y tế, phòng khám đa khoa khu vực	63.744	8.486	28.395	7.057	15.082	4.724

Mẫu biểu số 48

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2361/QĐ-SYT ngày 20/12/2024 của Sở Y tế Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Mã số QHNS: 1119282

Mã KBNN nơi giao dịch: 2812

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Thu sự nghiệp**	
1	**Tổng số thu**	**0**
2	**Số được để lại chi**	**0**
3	**Số phải nộp ngân sách**	**0**
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**8.486**
1	**Kinh phí thực hiện Đề án tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực cơ sở y tế tỉnh Quảng Ninh**	**8.486**
-	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất Trạm Y tế phường Yên Thanh; Trạm Y tế phường Thanh Sơn; Trạm Y tế phường Quang Trung; Trạm Y tế phường Phương Nam	8.486

Mẫu biểu số 48

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2361/QĐ-SYT ngày 20/12/2024 của Sở Y tế Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HẠ LONG

Mã số QHNS: 1119291

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Thu sự nghiệp**	
1	**Tổng số thu**	**0**
2	**Số được để lại chi**	**0**
3	**Số phải nộp ngân sách**	**0**
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**28.395**
1	**Kinh phí thực hiện Đề án tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực cơ sở y tế tỉnh Quảng Ninh**	**28.395**
-	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất Trạm Y tế phường Đại Yên; Trạm Y tế phường Hà Tu; Trạm Y tế phường Tuần Châu; Trạm Y tế phường Trần Hưng Đạo	24.878
-	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất Phòng khám đa khoa khu vực Hà Tu; Trạm Y tế phường Hà Phong; Trạm Y tế xã Tân Dân	3.517

Mẫu biểu số 48

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2361/QĐ-SYT ngày 20/12/2024 của Sở Y tế Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Mã số QHNS: 1123942

Mã KBNN nơi giao dịch: 2817

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Thu sự nghiệp**	
1	**Tổng số thu**	**0**
2	**Số được để lại chi**	**0**
3	**Số phải nộp ngân sách**	**0**
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**7.057**
1	**Kinh phí thực hiện Đề án tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực cơ sở y tế tỉnh Quảng Ninh**	**7.057**
-	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất Trạm Y tế xã Liên Hoà, Trạm Y tế xã Liên Vị, Trạm Y tế xã Tiền Phong, phường Nam Hoà; Trạm Y tế phường Phong Hải; Trạm Y tế phường Yên Giang; Trạm Y tế phường Yên Hải	7.057

Mẫu biểu số 48

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2361/QĐ-SYT ngày 20/12/2024 của Sở Y tế Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VÂN ĐỒN

Mã số QHNS: 1123949

Mã KBNN nơi giao dịch: 2822

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Thu sự nghiệp**	
1	**Tổng số thu**	**0**
2	**Số được để lại chi**	**0**
3	**Số phải nộp ngân sách**	**0**
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**15.082**
1	**Kinh phí thực hiện Đề án tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực cơ sở y tế tỉnh Quảng Ninh**	**15.082**
-	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn	15.082

Mẫu biểu số 48

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2361/QĐ-SYT ngày 20/12/2024 của Sở Y tế Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TIÊN YÊN

Mã số QHNS: 1123958

Mã KBNN nơi giao dịch: 2814

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Thu sự nghiệp**	
1	**Tổng số thu**	**0**
2	**Số được để lại chi**	**0**
3	**Số phải nộp ngân sách**	**0**
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**4.724**
1	**Kinh phí thực hiện Đề án tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực cơ sở y tế tỉnh Quảng Ninh**	**4.724**
-	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	4.724